

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP
LUẬT DÂN SỰ**

**GV. PHAN THANH
NGỌC**

Câu 1: Đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự Việt Nam

- Điều 1 của Bộ Luật Dân sự được Quốc hội thông qua tại kì họp thứ 7 Quốc hội khoá XI ngày 14-06-2005 và có hiệu lực từ ngày 01-01-2006
- **quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản**.- quan hệ cơ bản và chủ yếu của xã hội do nhiều ngành luật điều chỉnh nên Luật dân sự chỉ điều chỉnh một phần các quan hệ đó.
- Phạm vi của các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân mà Luật dân sự điều chỉnh được xác định như sau:

+Quan hệ tài sản: quan hệ xã hội được hình thành giữa con người với nhau thông qua một tài sản nhất định.(không điều chỉnh quan hệ giữa người với tài sản.)

Tài sản : đa dạng và phong phú, bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản (Điều 163 Bộ Luật dân sự 2005). - mang tính chất trao đổi hàng hoá tiền tệ.

Chủ thể tham gia có quyền bình đẳng và tự định đoạt.

+Quan hệ nhân thân: quan hệ xã hội phát sinh từ một giá trị tinh thần như danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân ...không mang tính giá trị, không tính được thành tiền -> không phải là đối tượng để trao đổi, chuyển dịch từ chủ thể này sang chủ thể khác.

chia thành 2 nhóm:

-Quan hệ nhân thân không gắn với tài sản: là những quan hệ không mang đến cho chủ thể của những giá trị tinh thần đó bất cứ một lợi ích vật chất nào như danh dự, nhân phẩm, tên gọi, uy tín cá nhân v.v...

-Quan hệ nhân thân gắn với tài sản: là những quan hệ có thể mang lại cho chủ thể những giá trị tinh thần, những lợi ích vật chất nhất định, hay nói cách khác là các quan hệ mà trong đó có cả yếu tố nhân thân và yếu tố tài sản.

-> xuất phát từ các quyền cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp 1992.

Câu 2: Phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự Việt Nam

Phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự là

- những cách thức, biện pháp tác động của ngành luật đó lên các quan hệ xã hội
- mang tính tài sản và các quan hệ xã hội mang tính nhân thân
- làm cho các quan hệ xã hội đó phát sinh, thay đổi hay chấm dứt phù hợp với ý chí và lợi ích của Nhà nước.

đặc trưng sau:

- Chủ thể tham gia vào các quan hệ độc lập và bình đẳng với nhau
 - o về tổ chức và tài sản.
 - o Sự bình đẳng này thể hiện ở chỗ không có bên nào có quyền ra lệnh, áp đặt ý chí của mình cho bên kia
- Các chủ thể tham gia quan hệ tài sản tự định đoạt, tự do cam kết, thoả thuận nhằm vào những mục đích, nhu cầu, lợi ích nhất định của họ nhưng phải “không trái với pháp luật và đạo đức xã hội” và “ không xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác
- **Các quyền dân sự** của các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự được chia thành quyền đối nhân và quyền đối vật.

- o Quyền đối nhân là quyền của chủ thể quyền đối với chủ thể nghĩa vụ, đòi hỏi chủ thể nghĩa vụ phải thực hiện một hoặc một số hành vi nhất định nhằm thoả mãn nhu cầu về mọi mặt của mình.
- o Quyền đối vật là quyền của chủ thể quyền thực hiện một cách trực tiếp hoặc một số hành vi nhất định đối với một hoặc một khối tài sản.

Phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự chủ yếu nhằm tác động, thúc đẩy các hành vi tích cực, chủ động và sáng tạo của các chủ thể trong việc thiết lập và thực hiện các quan hệ dân sự, do vậy trong phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự, ngoài những quy phạm cấm, quy phạm mệnh lệnh thì phần lớn là các quy phạm tùy nghi, quy phạm định nghĩa hướng dẫn cho các chủ thể tham gia những xử sự pháp lý phù hợp.

Đặc trưng của phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự là tạo cho các chủ thể tham gia vào quan hệ đó quyền tự thoả thuận – hoà giải để lựa chọn cách thức, nội dung giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Trong trường hợp không thể hoà giải hoặc thoả thuận được thì có thể giải quyết các tranh chấp bằng con đường Toà án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự và chủ yếu là trên cơ sở yêu cầu của một trong các bên.

Các biện pháp bảo vệ do Toà án và cơ quan nhà nước có thẩm quyền tạo cho chủ thể của quan hệ dân sự quy định trong Điều 9 Bộ Luật Dân sự 2005 gồm có: công nhận quyền dân sự của mình, buộc chấm dứt hành vi vi phạm, buộc xin lỗi cải chính công khai, buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự, buộc bồi thường thiệt hại.

Câu 3 : Nêu và phân tích nhiệm vụ của Luật Dân sự Việt Nam

Đoạn 2, Điều 1 Bộ Luật Dân sự 2005

Nhiệm vụ đó được xác định trên cơ sở vị trí, vai trò và mục tiêu của sự điều chỉnh pháp luật dân sự trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở nước ta.

Ngoài nhiệm vụ nêu trên, Luật Dân sự Việt Nam còn có nhiệm vụ đáp ứng những yêu cầu và **đòi hỏi khách quan sau đây** :

- Bảo vệ sở hữu toàn dân, tăng cường, khuyến khích, đẩy mạnh giao lưu dân sự, bảo đảm đời sống và phát triển sản xuất.
- Pháp luật Dân sự Việt Nam là công cụ pháp lý tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.
- Tạo cơ sở pháp lý tiếp tục giải phóng mọi năng lực sản xuất, phát huy dân chủ, bảo đảm công bằng xã hội, quyền con người về dân sự.
- Góp phần đảm bảo cuộc sống cộng đồng ổn định, lành mạnh, giữ gìn và phát huy truyền thống và bản sắc dân tộc Việt Nam
- Góp phần xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Câu 4: Nguồn của Luật Dân sự Việt Nam? Một văn bản pháp luật cần thoả mãn những điều kiện nào để được coi là nguồn của luật dân sự?

- Là các văn bản quy phạm pháp luật dân sự
 - o do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành
 - o theo những trình tự luật định
 - o nhằm điều chỉnh các quan hệ dân sự giữa các chủ thể trong một khoảng thời gian và không gian nhất định.

một văn bản được xem là nguồn của Luật Dân sự phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- chứa đựng các quy tắc xử sự để điều chỉnh các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân. văn bản không chứa đựng các quy tắc xử sự chung như bản án của Tòa án thì không phải là nguồn của Luật Dân sự.
- Chỉ những cơ quan được pháp luật quy định mới có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật dân sự.
- ban hành theo đúng hình thức, trình tự, thủ tục luật định. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định hình thức, thủ tục, trình tự ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.
- được Nhà nước bảo đảm thi hành bằng các biện pháp thích hợp, trong đó quan trọng nhất là cưỡng chế buộc thi hành và áp dụng chế tài đối với người có hành vi vi phạm pháp luật.

Câu 5: Phân loại nguồn của Luật Dân sự Việt Nam

mức độ điều chỉnh và mức độ hiệu lực pháp lý và cơ quan ban hành của văn bản quy phạm pháp luật dân sự.

Trên cơ sở đó, nguồn của Luật Dân sự Việt Nam bao gồm :

- **Hiến pháp:**
 - đạo luật cơ bản của Nhà nước,
 - do Quốc hội – cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam ban hành,
 - trong đó các quy định về chế độ chính trị, chế độ kinh tế và các quyền cơ bản của công dân có vị trí quan trọng có liên quan đến Luật Dân sự.
- **Bộ Luật Dân sự và các bộ luật, đạo luật khác có liên quan** đến luật dân sự như
 - Bộ Luật Hàng hải, Luật Hàng không, Luật Thương mại, Luật Đất đai, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Doanh nghiệp Nhà nước, Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân v.v...
 - do Quốc hội ban hành cũng điều chỉnh các quan hệ dân sự, trong đó Bộ Luật Dân sự giữ vị trí trung tâm trong các nguồn của Luật Dân sự.
 - Các Nghị quyết của Quốc hội liên quan đến việc thi hành Bộ Luật Dân sự cũng được coi là nguồn của Luật Dân sự.
- **Pháp lệnh và Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội**
 - Pháp lệnh thừa kế (1990), Pháp lệnh hợp đồng dân sự (1991)...
 - Pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong nước được nhà nước giao đất, cho thuê đất (năm 1994)...
- **Nghị định của Chính phủ:** phong phú và đa dạng của LDS
 - thể hiện hầu hết các lĩnh vực mà Luật Dân sự điều chỉnh.

- Ví dụ như Nghị định 138/2006 về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài,
 - Nghị định 144/2006 về hội họp, biểu, phường ,
 - Nghị định 163/2006 về giao dịch bảo đảm,
 - Nghị định 151/2007 về tổ hợp tác ...
- **Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ**
- **Quyết định, Chỉ thị, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ**
- để cụ thể hoá luật, pháp lệnh, nghị định trong phạm vi, lĩnh vực Bộ, ngành quản lý là bộ phận quan trọng đối với pháp luật dân sự.
 - Ngoài ra, các cơ quan này và các cơ quan có thẩm quyền khác có thể ban hành các văn bản liên tịch như Thông tư liên tịch.
- **Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Quyết nghị, Chỉ thị, Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành, áp dụng pháp luật dân sự:** đây là loại nguồn theo nghĩa rộng của luật dân sự nhưng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong công tác xét xử.

Câu 6: Khái niệm và đặc điểm của quy phạm pháp luật dân sự

- là quy tắc xử sự chung mang tính bắt buộc
 - do Nhà nước ban hành
 - nhằm điều chỉnh các quan hệ dân sự và
 - là công cụ bảo vệ, củng cố, phát triển các quan hệ xã hội trong giao lưu dân sự, thông qua việc quy định quyền và nghĩa vụ dân sự của các chủ thể tham gia quan hệ dân sự.
- Các đặc điểm của quy phạm pháp luật dân sự :**
- Có 3 bộ phận hợp thành là phần giả định, phần quy định và phần chế tài:
 - Việc thực hiện và tuân thủ các quy phạm pháp luật dân sự được Nhà nước bảo đảm bằng các biện pháp giáo dục, tổ chức cũng như các biện pháp cưỡng chế thi hành.

Câu 7: Phân tích các bộ phận cấu thành của quy phạm pháp luật dân sự

Quy phạm pháp luật dân sự có 3 bộ phận cấu thành như sau:

+Phần giả định : nêu lên những tình huống, hoàn cảnh có thể xảy ra trong thực tế. VD: việc chiếm hữu một tài sản, việc giám hộ, việc thừa kế ...

+Phần quy định : đưa ra các xử sự mang tính bắt buộc, buộc các chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự đó phải tuân theo. Cách xử sự này có thể là cho phép chủ thể quyền lựa chọn một trong các cách xử sự đã được ấn định trước hoặc có thể là không cho phép chủ thể tham gia quan hệ đó thực hiện một hoặc một số hành vi nhất định. Đây là phần trung tâm và quan trọng nhất của quy phạm pháp luật dân sự.

+Phần chế tài : nêu ra hình thức xử lý, hậu quả pháp lý mà một người phải gánh chịu do không thực hiện hoặc thực hiện không đúng cách xử sự được nêu trong phần quy định.

- b. Thời hạn có thể được xác định bằng phút, giờ, ngày, tuần, tháng, năm hoặc bằng một sự kiện có thể sẽ xảy ra.

2. Thời hiệu: (Điều 154-Bộ Luật Dân Sự)

Thời hiệu là thời hạn do pháp luật quy định mà khi kết thúc thời hạn đó thì chủ thể được hưởng quyền dân sự, được miễn trừ nghĩa vụ dân sự hoặc mất quyền khởi kiện vụ án dân sự, quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự.

Câu 60: Các loại thời hạn? Cách tính thời hạn?

1. Các loại thời hạn:

- Thời hạn trong pháp luật dân sự có thể do pháp luật quy định hoặc do các bên thoả thuận (còn gọi là thời hạn hợp đồng).

Thời hạn do pháp luật quy định là thời hạn do các quy phạm pháp luật dân sự xác định mà những người tham gia quan hệ pháp luật dân sự cũng như Tòa án bắt buộc phải áp dụng và thực hiện, không được phép thay đổi hoặc thoả thuận thay đổi.

Thời hạn hợp đồng do các bên tham gia thoả thuận xác định để thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự. Tùy theo nhu cầu và mục đích cụ thể, các bên tham gia có thể thoả thuận thời hạn khác nhau. Vì vậy, đối với thời hạn hợp đồng trong thời gian tồn tại của quan hệ pháp luật dân sự, các bên tham gia có thể thoả thuận thay đổi, rút ngắn hoặc kéo dài thêm.

- Căn cứ vào hậu quả pháp lý của thời hạn ta có thể phân thời hạn thành một số loại sau đây:

Thời hạn thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ dân sự là một khoảng thời gian mà chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự có quyền yêu cầu hoặc phải thực hiện những hành vi nhất định.

Thời hạn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự là khoảng thời gian mà trong đó người có quyền yêu cầu người có nghĩa vụ thực hiện đúng nghĩa vụ khi người này không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình.

Thời hạn bảo hành là khoảng thời hạn mà trong đó bên mua nếu phát hiện được khuyết tật của vật mua bán có quyền yêu cầu bên bán sửa chữa không phải trả tiền, giảm giá, đổi vật có khuyết tật lấy vật khác hoặc trả lại vật và lấy lại tiền, trong thời hạn bảo hành, nếu do khuyết tật về kỹ thuật của vật mà gây ra thiệt hại thì bên mua có quyền yêu cầu bên bán bồi thường thiệt hại.

3. Cách tính thời hạn: 2 phương thức xác định thời hạn:

Cách tính thời hạn theo thời gian được áp dụng theo quy định của Bộ Luật Dân Sự tại các điều 151,152,153. Thời hạn được tính theo dương lịch

Trong trường hợp các bên có thoả thuận về thời hạn là một năm, nửa năm, một tháng, nửa tháng, một tuần, một ngày, một giờ, một phút mà khoảng thời gian diễn ra không liên nhau thì thời hạn đó được tính như sau: Một năm là 365 ngày, nửa năm là 6 tháng, một tháng là 30 ngày, nửa tháng là 15 ngày, một tuần là 7 ngày, một ngày là 24 giờ, một giờ là 60 phút, một phút là 60 giây.

Trong trường hợp các bên thoả thuận về thời điểm đầu tháng, giữa tháng, cuối tháng thì thời điểm đó được quy định như sau: Đầu tháng là ngày đầu tiên của tháng, giữa tháng là ngày 15 của tháng, cuối tháng là ngày cuối cùng của tháng

Trong trường hợp các bên thoả thuận về thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm thì thời điểm đó được quy định như sau: đầu năm là ngày đầu tiên của tháng một, giữa năm là ngày cuối cùng của tháng 6, cuối năm là ngày cuối cùng của tháng 12.

Cách tính thời hạn theo sự kiện: Có sự thoả thuận giữa các bên về kết thúc, bắt đầu sự kiện; có sự kiện cụ thể; sự kiện chắc chắn xảy ra, các bên phải tính được thời điểm xảy ra sự kiện.

Câu 61: Các loại thời hiệu? Cách tính thời hiệu?

1. Các loại thời hiệu:

- Thời hiệu hưởng quyền dân sự là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó thì chủ thể được hưởng quyền dân sự.
- Thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ dân sự là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó thì người có nghĩa vụ dân sự được miễn việc thực hiện nghĩa vụ.
- Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu toà án giải quyết vụ án dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.
- Thời hiệu giải quyết việc dân sự là thời hạn mà chủ thể được quyền yêu cầu toà án giải quyết việc dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức lợi ích công cộng, lợi ích của nhà nước; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền yêu cầu.

2. Cách tính thời hiệu:

Được quy định tại điều 156,157,158,159,160,161,162 - Bộ Luật Dân Sự

Thời hiệu được tính từ thời điểm bắt đầu ngày đầu tiên của thời hiệu và chấm dứt tại thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hiệu. Bản chất của thời hiệu là thời gian, thời hiệu chỉ do pháp luật quy định, do đó các bên không thể thoả thuận được. Thời hiệu không được tính lùi.

Câu 62: Hiệu lực của thời hiệu hưởng quyền dân sự, miễn trừ nghĩa vụ dân sự?

Được quy định tại điều 157-Bộ Luật Dân Sự

Trong trường hợp pháp luật quy định cho các chủ thể được hưởng quyền dân sự hoặc được miễn trừ nghĩa vụ dân sự theo thời hiệu thì chỉ sau khi thời hiệu đó kết thúc, việc hưởng quyền dân sự hoặc miễn trừ nghĩa vụ dân sự mới có hiệu lực.

Thời hiệu hưởng quyền dân sự không áp dụng trong các trường hợp sau đây:

Chiếm hữu tài sản thuộc hình thức sở hữu nhà nước không có căn cứ pháp luật;

Việc hưởng quyền nhân thân không gắn với tài sản

Thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ dân sự không áp dụng trong việc thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với Nhà nước, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Câu 63: Các trường hợp bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự?

Được quy định tại điều 162-Bộ Luật Dân Sự

- Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện. Tuy nhiên, việc thừa nhận nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ chỉ được công nhận là sự kiện bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện, nếu nó xảy ra trước thời điểm kết thúc thời hiệu, trong trường hợp ngược lại, thì việc nhận nghĩa vụ chỉ là sự thể hiện ý muốn tự nguyện thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ mà thôi.

- Việc bên có nghĩa vụ thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện hoặc việc các bên đã tự hoà giải với nhau thể hiện ý thức tự nguyện thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ, vì vậy được pháp luật coi là những sự kiện để bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện. Thời hiệu khởi kiện bắt đầu lại, kể từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện nêu trên. Các quyền dân sự được bảo vệ trong một thời gian nhất định, nhưng có một số quyền được pháp luật dân sự bảo vệ không có giới hạn về thời gian.

Câu 64: Tính liên tục của thời hiệu hưởng quyền dân sự, miễn trừ nghĩa vụ dân sự:

Được quy định tại điều 158-Bộ Luật Dân Sự:

- Thời hiệu hưởng quyền dân sự, miễn trừ nghĩa vụ dân sự có tính liên tục từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc; nếu có sự kiện làm gián đoạn thì thời hiệu phải được tính lại từ đầu, sau khi sự làm gián đoạn chấm dứt.
- Thời hiệu hưởng quyền dân sự, miễn trừ nghĩa vụ dân sự bị gián đoạn khi có một trong các sự kiện sau đây:
 - Có sự giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với quyền, nghĩa vụ dân sự đang được áp dụng thời hiệu;
 - Quyền, nghĩa vụ dân sự đang được áp dụng thời hiệu mà bị người có quyền, nghĩa vụ liên quan tranh chấp.
- Thời hiệu cũng được tính liên tục trong trường hợp việc hưởng quyền dân sự, miễn trừ nghĩa vụ dân sự được chuyển giao hợp pháp cho người khác.